

Bản án số: 55/2019/HS-PT
Ngày 22-8-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Thanh Bình

Các Thẩm phán: Ông Lương Ngọc Dũng

Ông Nguyễn Xuân Tuyền

- Thư ký phiên toà: Bà Bùi Thị Thu Hương – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 32/2019/TLPT-HS ngày 17 tháng 6 năm 2019 do có kháng cáo của bị cáo Mai Ngọc Ph đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 29/2019/HS-ST ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

Bị cáo kháng cáo:

Mai Ngọc Ph, sinh ngày 18 tháng 7 năm 1993 tại Thanh Hóa. Nơi cư trú: KP3, thị trấn RT, huyện ĐS, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Văn X và bà Nguyễn Thị L; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 20/8/2018; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Hoàng Thị Th - Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH XTVN, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

- Bị hại: Anh Lê Văn Th, sinh năm 1993; nơi cư trú: Thôn HQ, xã DQ, huyện TN, thành phố Hải Phòng; vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người tham gia tố tụng khác:

Những người làm chứng:

1. Anh Đỗ Văn C, sinh năm 1994; nơi cư trú: Tổ ĐH, phường QT, quận HB, thành phố Hải Phòng; có mặt

2. Anh Vũ Xuân S, sinh năm 1994; nơi cư trú: ĐH, KA, thành phố Hải Phòng;

vắng mặt không có lý do (đã tổng đạt hợp lệ).

3. Chị Nguyễn Thúy Q, sinh năm 1999; nơi cư trú: Phường ĐQB, quận NQ, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 17/5/2018, Mai Ngọc Ph ngồi ăn, uống cùng với chị Nguyễn Thúy Q, và một số người bạn khác tại quán Ba Tài Quán ở khu vực bờ hồ An Biên, phường Lạch Tray, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng thì anh Lê Văn Th (tên gọi khác: T) sinh năm 1993, trú tại Thôn HQ, xã DQ, huyện TN (người yêu chị Q) cùng đi với anh Vũ Ngọc H, sinh năm 1995, trú tại xã BH, YT, Bắc Giang và anh H1 (chưa rõ lai lịch, địa chỉ) đến. Anh Th cho rằng Ph có quan hệ tình cảm với chị Q nên vào bảo Ph ra nói chuyện, chị Q bảo Ph không ra, Anh Th đâm Ph một cái vào mặt, anh H cầm ghế nhựa đập Ph nhưng không trúng, Ph bỏ chạy về hướng đường Lạch Tray thì anh Th, anh H đuổi theo nhưng không đuổi được. Anh Th quay lại chỗ chị Q thì bị chị Q chửi và hất cốc nước nhựa vào người, Anh Th tát chị Q một cái làm chị Q ngã xuống đất. Lúc này, Ph quay lại cầm hai tay 02 vỏ chai bia Tiger bằng thủy tinh ở trên bàn, đập vỡ nát chai, giơ về phía Anh Th và nói: “mày thích thì vào đây”. Thấy vậy, Anh Th lao vào ôm, ghì Ph làm cả hai ngã xuống đất nằm nghiêng bên trái, Anh Th nằm phía sau Ph hai tay ôm ghì vào cổ, ngực Ph để không cho Ph đấm, nhưng Ph hai tay cầm 02 vỏ chai bia thủy tinh vỡ đấm liên tiếp về phía sau trúng mắt trái Anh Th gây thương tích. Sau đó, chị Q vào can kéo Anh Th và Ph ra, Anh Th được anh H, anh H1 đưa đến bệnh viện cấp cứu.

Ngày 04/6/2018, anh Lê Văn Th trình báo sự việc đến Công an quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

Theo Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 288/2018/TgT ngày 20/6/2018 của Trung tâm Pháp y Hải Phòng, kết luận: “Anh Lê Văn Th bị vết thương rách da phức tạp cung mày mi trên mắt trái xuyên vỡ nhãn cầu mắt trái đã được phẫu thuật điều trị chưa hoàn toàn ổn định, còn mất chức năng mắt trái và ảnh hưởng thẩm mỹ vùng mắt. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của nạn nhân do thương tích trên gây nên là 48%. Thương tích trên có đặc điểm do vật có góc cạnh sắc tác động trực tiếp gây nên”.

Tại Công văn số 115-CV/2018 ngày 06/12/2018 của Trung tâm Pháp y Hải Phòng, giải thích kết luận trên như sau: “Nạn nhân Lê Văn Th bị vết thương mắt trái tổn thương nhãn cầu trái có đặc điểm do vật có góc cạnh sắc tác động trực tiếp theo hướng chủ yếu từ trước ra sau gây nên. Còn các hướng khác rất khó xác định. Với vỏ chai thủy tinh không vỡ thì không gây được thương tích trên. Còn nếu vỏ chai thủy tinh đã vỡ thì cạnh vỡ hoàn toàn có thể gây được thương tích trên. Vết thương đầu cung mày phải hình móc câu nhỏ, có đặc điểm do vật có góc cạnh cứng, có thể sắc hoặc tương đối sắc tác động theo hướng chủ yếu từ trước ra sau gây nên và không đủ lớn để đánh giá tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể”.

Vật chứng: 02 vỏ chai bia Tiger bằng thủy tinh bị vỡ mà bị cáo Mai Ngọc Ph dùng gây thương tích cho anh Lê Văn Th, quá trình điều tra không thu hồi được.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Lê Văn Th yêu cầu bị cáo Mai Ngọc Ph bồi thường thương tích tổng số tiền là 80.000.000 đồng. Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường đầy đủ, Anh Th không có ý kiến gì khác và xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Tại Bản án sơ thẩm số 29/2019/HS-ST ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng đã căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, e khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt: Mai Ngọc Ph 05 (năm) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù tính từ ngày 20/8/2019.

Ngoài ra, còn tuyên xử lý vật chứng, nghĩa vụ nộp án phí và quyền kháng cáo Bản án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 17/5/2019, bị cáo có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt vì bị cáo cho rằng án sơ thẩm xử bị cáo 05 năm tù là quá nặng vì bị cáo chỉ phòng vệ bản thân. Kháng cáo của bị cáo trong thời hạn luật định nên được xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

** Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau:*

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá đầy đủ hành vi phạm tội, tính chất vụ án, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và xử phạt bị cáo Mai Ngọc Ph 05 (năm) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” là thỏa đáng. Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị cáo Ph cung cấp được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là gia đình có công với cách mạng; bị cáo cũng thừa nhận hành vi đập vỡ chai trước khi bị hại và bị cáo vật lộn với nhau nên áp dụng một phần tình tiết giảm nhẹ “thành khẩn khai báo” đối với bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo gây thương tích cho bị hại là lớn (48%) nên không có căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Mai Ngọc Ph, giữ nguyên bản án sơ thẩm; không chấp nhận đề nghị của người bào chữa về việc áp dụng cho bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt theo khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo thừa nhận: Do không làm chủ được bản thân, bị cáo đập vỡ vỡ chai bia (trước khi Anh Th lao vào ôm bị cáo) và gây thương tích cho Anh Th; do Anh Th ôm cổ bị cáo mạnh nên bị cáo mới đâm liên tiếp về phía sau, không may vào mắt Anh Th; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho Anh Th số tiền 80 triệu đồng; gia đình bị cáo có công với cách mạng nên đề nghị Hội đồng xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Chị Nguyễn Thúy Q khai: Chị nhận thấy việc bị cáo Ph và Anh Th đánh nhau có một phần lỗi là do chị. Chị không rõ bị cáo đập vỡ chai thủy tinh trước hay sau khi Anh Th lao vào ôm bị cáo Ph. Nhưng có lẽ chai đã bị vỡ trước (lúc còn để trên bàn).

Anh Đỗ Văn C khai: bị cáo Ph không đập chai trước có lẽ trong lúc vật lộn chai bị vỡ. Việc bị cáo Ph gây thương tích cho Anh Th là có, Anh Th chỉ dùng tay không đuổi bị cáo, khi vật lộn với bị cáo Anh Th cũng không có Ph tiện gì, Anh Th chỉ ôm cổ bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo có quan điểm: Tại phiên tòa sơ thẩm đã tuyên bị cáo 05 (năm) năm tù. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã thành khẩn khai báo, gia đình bị cáo có công với cách mạng, bị cáo là lao động chính trong gia đình. Bị cáo phạm tội trong hoàn cảnh bị bị hại truy đuổi đến cùng (02 lần) nên tinh thần bị kích động. Nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét ngoài việc áp dụng điểm b, e khoản 1; khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự như cấp sơ thẩm đã áp dụng cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ tại điểm s (thành khẩn khai báo) khoản 1, khoản 2 (gia đình bị cáo có công với cách mạng, bị cáo là lao động chính) Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo để bị cáo sớm trở về gia đình lao động nuôi dưỡng bố mẹ và bà đã trên 90 tuổi. Nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, tuổi còn trẻ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự, chấp nhận kháng cáo, cho bị cáo được hưởng mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Mai Ngọc Ph đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với các Kết luận giám định, lời khai của những người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 17/5/2018 tại quán Ba Tài Quán ở khu vực bờ hồ An Biên, phường Lạch Tray, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng; mặc dù Anh Th có hành vi trái pháp luật với Ph trước, cụ thể Anh Th đâm vào mặt Ph và đuổi Ph trước (khi đuổi Ph cũng không cầm theo công cụ, vũ khí gì) nhưng sau khi Anh Th không đuổi nữa, sự đe dọa, nguy hiểm đối với Ph không còn nữa thì Ph đã chủ động quay lại, chuẩn bị sẵn hung khí nguy hiểm, cụ thể là hai tay hai vỏ chai bia đã được Ph đập vỡ dít chai và thách thức Anh Th “chơi thì chơi”, Anh Th tay không vật lộn với Ph, Ph hai tay cầm hai vỏ dít chai đâm ngược về phía sau vào mắt trái Anh Th gây nên thương tích 48% tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể. Do vậy, bị cáo cho rằng bị cáo đã có hành vi phòng vệ chính đáng là không có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Mai Ngọc Ph về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự là đúng quy định của pháp luật.

Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Ph:

[2] Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Ph, cụ thể: Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho bị hại; bị cáo phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhân gây ra; bị hại có đơn xin

giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là có căn cứ quy định tại các điểm b, e khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự .

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo mới thừa nhận hành vi đập vỡ đít chai trước đó, gây thương tích cho Anh Th và trong quá trình điều tra bị cáo cũng đã hợp tác với cơ quan điều tra nên cũng cần áp dụng thêm cho bị cáo một phần tình tiết giảm nhẹ “thành khẩn khai báo” theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Gia đình bị cáo có xuất trình tài liệu thể hiện gia đình bị cáo có công với cách mạng (bố bị cáo ông Mai Văn X được tặng Huy chương khi tham gia kháng chiến, bảo vệ Tổ Quốc) nên cũng cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[4] Mặc dù, tại giai đoạn xét xử phúc thẩm có thêm tình tiết mới, nhưng xét thấy thương tích của Anh Th là 48% (Mắt trái của Anh Th bị hỏng không có khả năng hồi phục), bị hại vẫn đang phải điều trị, ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc sống, sinh hoạt hàng ngày; theo đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị hại có lịch mổ mắt lần 3 nên không đến phiên tòa được và đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo đúng quy định của pháp luật nên mức hình phạt 05 (năm) tù mà cấp sơ thẩm đã áp dụng (mức khởi điểm của khung hình phạt) là phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; không chấp nhận đề nghị của người bào chữa và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015: Không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, e, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt: Mai Ngọc Ph 05 (năm) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù tính từ ngày 20/8/2019.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Mai Ngọc Ph phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án số 29/2019/HS-ST ngày 07/5/2019 của Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Tuyền Lương Ngọc Dũng

Phạm Thị Thanh Bình

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- VKSND quận Ngô Quyền;
- PV27 Công an TP Hải Phòng;
- Cơ quan CSĐT quận Ngô Quyền;
- Cơ quan THAHS quận Ngô Quyền;
- TAND quận Ngô Quyền;
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;
- Bị cáo; Trại Tạm giam;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thanh Bình

Mẫu số 28-HS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐTP ngày 19 tháng 9 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN⁽¹⁾.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:..... /.....⁽²⁾/HS-PT

Ngày.....-.....-⁽³⁾.....

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN⁽⁴⁾

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có⁽⁵⁾:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông (Bà).....

Các Thẩm phán: Ông (Bà).....

Ông (Bà).....

- Thư ký phiên tòa: Ông (Bà)⁽⁶⁾

- Đại diện Viện kiểm sát⁽⁷⁾ tham gia phiên tòa:

Ông (Bà).....- Kiểm sát viên.

Trong các ngày⁽⁸⁾ tại⁽⁹⁾ xét xử

phúc thẩm công khai⁽¹⁰⁾ vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: .../.../TLPT-HS

ngày...tháng...năm...đối với (các) bị cáo⁽¹¹⁾ do có kháng cáo

của⁽¹²⁾ hoặc kháng nghị của⁽¹³⁾ đối với Bản án hình sự sơ thẩm

số: .../.../HS-ST ngày...tháng...năm...của Tòa án⁽¹⁴⁾

- Các bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo, bị kháng nghị:⁽¹⁵⁾

⁽¹⁶⁾ sinh ngày.....tháng.....năm.....tại.....

Nơi cư trú.....; nghề nghiệp.....; trình độ văn hoá (học vấn).....; dân

tộc:.....; giới tính:.....; tôn giáo:.....; quốc tịch:.....; con

ông.....và bà.....; có vợ (chồng) và..... con;⁽¹⁷⁾tiền

án....., tiền sự.....; nhân thân.....; bị bắt, tạm giam

ngày⁽¹⁸⁾

**- Các bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, không bị kháng
nghị.⁽¹⁹⁾**

**- Những người tham gia tố tụng khác có kháng cáo hoặc có liên quan đến
kháng cáo, kháng nghị:**

.....

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo:⁽²⁰⁾

Ông (Bà)....sinh năm (hoặc tuổi)....; nơi cư trú....; nghề nghiệp....là:⁽²¹⁾.....

.....

- Người bào chữa cho bị cáo:⁽²²⁾

.....

- Bị hại:⁽²³⁾

.....

- Người đại diện hợp pháp của bị hại:⁽²⁴⁾

.....

- Nguyên đơn dân sự:⁽²⁵⁾

.....

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự:⁽²⁶⁾

.....
- Bị đơn dân sự:⁽²⁷⁾

.....
- Người đại diện hợp pháp của bị đơn dân sự:⁽²⁸⁾

.....
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:⁽²⁹⁾

.....
- Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:⁽³⁰⁾

.....
- Người bảo vệ quyền lợi cho người bị hại (nguyên đơn dân sự,...):⁽³¹⁾

.....
- Người tham gia tố tụng khác:⁽³²⁾

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:⁽³³⁾

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:⁽³⁴⁾

[1].....

[2].....

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào.....⁽³⁵⁾

⁽³⁶⁾

.....
(37) Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.
.....

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 28-HS:

(1) và (4) ghi tên Tòa án xét xử phúc thẩm; nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân cấp cao thì ghi: Tòa án nhân dân cấp cao tại (Hà Nội, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh...); nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi Bản án hình sự phúc thẩm, ô thứ hai ghi năm ra Bản án hình sự phúc thẩm (ví dụ: 12/2017/HS-PT).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử phúc thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử phúc thẩm trong nhiều ngày.

(5) ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán; nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1) và họ tên của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liên nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liên nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liên nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liên nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) và (4). Nếu vụ án xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) nếu vụ án có một hoặc hai bị cáo kháng cáo hoặc bị kháng cáo, kháng nghị thì ghi đầy đủ họ tên của bị cáo; nếu vụ án có từ ba bị cáo trở lên kháng cáo hoặc bị kháng cáo, kháng nghị thì ghi đầy đủ họ tên của bị cáo trong số các bị cáo bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt mức án cao nhất và ghi thêm cụm từ “và các bị cáo khác”. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(12) ghi địa vị pháp lý trong tổ tụng của người kháng cáo (ví dụ: do có kháng cáo của bị cáo (các bị cáo), người bị hại và nguyên đơn dân sự).

(13) ghi tên Viện kiểm sát kháng nghị (nếu có).

(14) ghi tên Tòa án xét xử sơ thẩm.

(15) không ghi các bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo, bị kháng nghị, nhưng toàn bộ kháng cáo, kháng nghị liên quan đến họ đã được rút trước khi mở phiên tòa.

(16) và (17) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xoá án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở chính, họ tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(18) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(19) nếu có bị cáo không kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị, nhưng Tòa án cấp phúc thẩm có xem xét phần của bản án sơ thẩm đối với họ, thì ghi như bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo, kháng nghị; nếu Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét phần của bản án sơ thẩm đối với họ thì chỉ cần ghi “Ngoài ra còn có (số lượng) bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị”. Trường hợp vụ án chỉ có một bị cáo không kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị thì ghi “Ngoài ra còn có bị cáo (họ tên) không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị”.

(20) và (21) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi đầy đủ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ “là” ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(22) nếu bị cáo nào có người bào chữa thì ghi họ tên của người bào chữa và nghề nghiệp (Ví dụ: Trần Văn C là Luật sư; Trần Văn D là Bào chữa viên nhân dân).

(23), (24), (25), (26), (27), (28), (29), (30) và (31) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(32) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật

thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(33) trong phần này, ghi tóm tắt nội dung vụ án, quyết định trong bản án sơ thẩm; nội dung kháng cáo, kháng nghị.

(34) trong phần này, ghi nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm, những căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị; điểm, khoản, điều của Bộ luật Hình sự và của văn bản quy phạm pháp luật khác mà Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ để giải quyết vụ án. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(35) tùy từng trường hợp mà ghi rõ các căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(36) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm c khoản 3 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(37) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp phúc thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 2 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)